

Bản án số: 11/2020/HS-PT

Ngày: 20-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đăng Huy

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông Phạm Văn Vững - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 216/2019/TLPT-HS ngày 03 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Vũ Văn T và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị hại Phạm Đăng Đ và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương đối với bản án hình sự sơ thẩm số 50/2019/HSST ngày 23-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

1. Các bị cáo:

1.1. Vũ Văn T, sinh ngày 04/10/2001 tại huyện P, tỉnh Hà Nam ;

Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn C và con bà Đào Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 05/6/2019 đến nay (*hiện đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Hải Dương*). Có mặt tại phiên tòa.

1.2. Nguyễn Công H1, sinh ngày 06/8/1994 tại huyện T, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công H2 (đã chết) và bà

Nguyễn Thị T1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn T*: Bà Nguyễn Thị C1 –T rợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Người bị hại có kháng cáo: Ông Phạm Đăng Đ, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Vũ Văn C, sinh năm 1962. Vắng mặt.

3.2. Bà Đào Thị H, sinh năm 1968. Vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

3.3. Ông Phạm Đăng Đ1, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương.

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1976.

4.2. Anh Phạm Đăng S, sinh năm 1996.

4.3. Anh Phạm Đăng M, sinh năm 1998.

4.4. Anh Phạm Đăng L1, sinh năm 1997.

Đều trú tại: thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Công H1, Nguyễn Xuân T2 (*tên gọi khác là T3*), Phạm Văn M1 và Vũ Văn T là bạn bè và quen biết nhau từ trước. Năm 2017, H1 có cho anh Phạm Đăng S (*tên gọi khác là K*) vay số tiền 20.000.000 đồng, hẹn sau 01 năm sẽ thanh toán, nhưng quá thời hạn H đòi nhiều lần nhưng anh S không có tiền trả và có biểu hiện lẩn tránh, nên H có nói cho T2 biết. Khoảng 22 giờ ngày 25/11/2018, T2 và T đến quán Internet của anh Phạm Văn T3 chơi thì gặp S đang chơi điện tử tại quán. Thấy vậy, T2 gọi S ra ngoài nói chuyện về việc S trốn nợ của H1, T cũng đi ra. T2 đã tát S hai cái, thì cùng lúc M1 đi xe mô tô đến nhìn thấy T2 đánh S nghĩ hai người đang có mâu thuẫn xô xát nên M1 dừng lại, tiến lại tát S hai cái. Sau đó T2 gọi điện thoại cho H1 thông báo về việc gặp S tại quán Internet. Khoảng 05 phút sau H1 điều khiển xe mô tô Dream, BKS 16F4-9679 đến. Do bức tức việc S nợ tiền quá hạn không trả mà còn trốn tránh, nên H1 đã dùng tay tát S hai cái. Sau đó H1, T2 bảo S đưa về nhà S để nói chuyện với bố mẹ S. M1 chở S và T, H1 chở T2 đi về nhà S.

Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, H1, T2, M1, T, S đi đến cổng nhà S ở thôn A, xã N, huyện T. H1 gọi ông Phạm Đăng Đ1 (*là bố đẻ của S*) ra nói chuyện về việc S nợ tiền không trả. Ông Đ1 bảo: "Tao không biết, chúng mày muốn đánh nó thì mang ra khỏi đất nhà tao". Thấy ông Đ1 nói vậy, do bức tức H1, M1, T2 đã dùng chân tay đánh S. Nghe thấy tiếng ồn ào ngoài đường ông Phạm Đăng Đ (*là anh trai của ông Đ1 nhà ở sát bên cạnh*) và con trai là Phạm Đăng L1 chạy ra khu tường bao ngăn cách giữa hai nhà để xem. Khi thấy S bị nhóm H1 đánh, ông Đ1 lấy 01 đoạn gậy tre dài 170cm và 01 thanh gỗ dài 73cm ở gần gốc cây vải sát cổng, vụt liên tiếp về phía nhóm của H thì trúng đầu M1 khiến M1 bị thương chảy máu, M quay ra đường gần vị trí dựng xe nhặt 01 viên gạch ở lề đường bê tông chạy vào sân giờ lên đập trúng đầu anh Phạm Đăng M (*là con ông Đ1*) khi đó vừa ở nhà ông Đ về, rồi chạy ra ngoài đường. Sau đó H1, T2, M1, T đứng ngoài đường đối diện nhà ông Đ1 chửi bới. H1 giật 01 đoạn tường bao xây bằng gạch chỉ đỏ của nhà ông Đ1, làm gạch ở tường bao vỡ ra rơi xuống đường, rồi cầm hai tay 02 viên gạch ném vào phía trong sân nhà ông Đ1. Thấy H1 ném gạch thì T2 nhặt 02 viên gạch, M1 nhặt 01 viên gạch ở đường bê tông ném vào sân nhà ông Đ1. Lúc này thấy nhóm của H1 ném gạch, ông Đ nhảy qua tường bao sang nhà ông Đ1 đóng cổng lại và chạy về nhà mình lấy điện thoại để gọi cho Công an xã. Khi ông Đ đang ngồi ở giữa cửa chính, giáp hiên nhà và quay mặt ra ngoài đường để gọi điện, thì T quan sát thấy ở cửa chính nhà ông Đ đèn điện bật sáng và có người, nên nhặt 01 viên gạch ở gần vị trí H1 cầm ở tay trái chạy đến vị trí gần cột cổng nhà ông Đ1, giáp tường bao nhà ông Đ rồi ném vào phía cửa chính nhà ông Đ, sau đó T tiếp tục ném 01 viên gạch nữa về phía cửa chính nhà ông Đ, dẫn đến 01 viên gạch ném trúng mái ngói hiên nhà ông Đ và 01 viên gạch trúng vào vị trí mắt phải của ông Đ làm ông Đ bị thương. Sau khi ném gạch H1, T2, M1, T tiếp tục đứng chửi một lúc rồi bỏ đi. Ông Đ được gia đình đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương từ ngày 26/11/2018 đến ngày 04/12/2018 được xuất viện về nhà.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 693/2018/TgT ngày 03/01/2019 của Trung tâm pháp y Hải Phòng, Sở y tế Hải Phòng, kết luận ông Phạm Đăng Đ bị chấn thương vào vùng mắt má phải gây rách da mi, vỡ nhãn cầu mắt phải, vỡ thành xoang hàm phải. Đã được điều trị khoét bỏ nhãn cầu, khâu vết thương mi mắt phải, lắp mắt giả mắt phải và điều trị thuốc tạm thời ổn định.

Kết luận: Căn cứ Thông tư 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần của Bộ y tế, xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của chấn thương vỡ nhãn cầu mắt phải đã khoét bỏ và lắp mắt giả là 51% (mục 7, phần II, trang 68).

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của 02 vết thương mi trên, mi dưới để lại sẹo nhỏ gây nên là 3% (mục 1, phần I, chương 9, trang 63).

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của chấn thương vỡ thành xoang hàm phải gây nên là 12% (điểm 6.1, mục 6, phần II, chương 13, trang 77).

Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do các thương tích gây nên theo phương pháp cộng lùi và làm tròn số là 58%. Các thương tích trên có đặc điểm do vật tày có góc cạnh cứng tác động trực tiếp theo hướng gần như vuông góc với bề mặt da nơi tổn thương gây nên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-ĐGTS ngày 05/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Tứ Kỳ, kết luận: Khu vực tường bao bị vỡ nhà ông Đ1 có giá trị 14.400 đồng. Hai viên ngói đỏ bị vỡ trên mái nhà ông Đ có giá trị 24.000 đồng. Công xây dựng tường bao cần định giá là 50.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản được định giá là 88.400 (*Tám mươi tám nghìn bốn trăm*) đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 50/2019/HSST ngày 23-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương: Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; các Điều 90, 91, 101 của BLHS đối với bị cáo Vũ Văn Triều; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; các Điều 17, 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo Nguyễn Công H1; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 đối với bị cáo H1; áp dụng Điều 38 BLHS đối với bị cáo T. Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội "Cố ý gây thương tích"; bị cáo Nguyễn Công H1 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng". Xử phạt Vũ Văn T 54 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam, ngày 05/6/2019; xử phạt bị cáo Nguyễn Công H1 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của BLHS, các Điều 584, 585, 586, 590 BLDS. Xử buộc bị cáo Vũ Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Phạm Đăng Đ, sinh năm 1968; trú tại: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương các khoản tiền sau: Tiền chi phí mua thuốc, viện phí... và tiền bù đắp tổn thất tinh thần, tiền bồi dưỡng sức khỏe, tiền đi nuôi dưỡng tổng là 88.364.000đ, đã bồi thường 20.000.000đ, buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho ông Đ là 68.364.000đ. Trường hợp Vũ Văn T không đủ tài sản để bồi thường cho ông Đ thì ông Vũ Văn C và bà Đào Thị H là bố mẹ của Vũ Văn T phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình. Kể từ ngày ông Đ có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án, mà Vũ Văn T không thi hành khoản tiền bồi thường nêu trên, thì T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự. Không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường của ông Phạm Đăng Đ đối với các khoản tiền gồm: Tiền mất thu nhập từ ngày 26/11/2018 đến ngày 15/10/2019 là 82.840.000đ, tiền làm thẩm mỹ là 30.000.000đ,

tiền thuê xe đi lại cơ quan tố tụng 2.000.000đ, tiền mời luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp 25.000.000đ, tiền mua thuốc nhỏ mắt 8.000.000 đ. Tổng cộng 147.840.000đ. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a, e khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử: Các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Công H1, Nguyễn Xuân T2 (tên gọi khác T3), Phạm Văn M1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo T còn phải nộp 3.418.200đ án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch, ông Đ phải chịu 2.850.000đ án phí dân sự về yêu cầu không được chấp nhận. Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo.

Ngày 25/10/2019, người bị hại ông Phạm Đăng Đ kháng cáo đề nghị: Thứ nhất, tăng hình phạt đối với bị cáo Vũ Văn T; thứ hai, xét xử bị cáo T thêm tội Gây rối trật tự công cộng; thứ ba, TA cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo Nguyễn Công H1 là không phù hợp, đề nghị áp dụng hình phạt tù giam; thứ tư, đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường đủ số tiền 256.001.000đ và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 21/11/2019, VKSND tỉnh Hải Dương kháng nghị phần án phí của Bản án số 50/2019/HSST ngày 23/10/2019 của TAND huyện Tứ Kỳ TAND huyện Tứ Kỳ. TA cấp sơ thẩm đã buộc người bị hại ông Phạm Đăng Đ phải chịu 2.850.000đ tiền án phí dân sự đối với yêu cầu không được chấp nhận là không đúng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc người bị hại Phạm Đăng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn T và bị cáo T xác định: Bản án sơ thẩm của TAND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đối với bị cáo T về tội danh và điều luật là hoàn toàn có căn cứ. Bị cáo T không có hành vi chửi bới, đánh nhau do đó không phạm tội gây rối trật tự công cộng. Đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX không chấp nhận các khoản tiền mà ông Đ yêu cầu gồm tiền làm thẩm mỹ, tiền thuê xe đi lại cơ quan tố tụng, tiền mời luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, tiền mất thu nhập từ ngày 26/11/2018 đến ngày xét xử.

- Người bị hại ông Phạm Đăng Đ xin rút yêu cầu kháng cáo về việc tăng hình phạt đối với bị cáo T. Ông Đ giữ nguyên các yêu cầu kháng cáo khác.

- VKSND tỉnh phát biểu: Từ khi thụ lý, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm đến nay tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Xét kháng cáo của bị hại ông Đ thì thấy: Tại

phiên tòa, ông Đ xin rút yêu cầu kháng cáo về việc tăng hình phạt đối với bị cáo T, do đó đề nghị HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo. Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo T, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ về việc xem xét thêm tội Gây rối trật tự công cộng đối với bị cáo T; ông Đ không có quyền kháng cáo đối với hành vi phạm tội Gây rối trật tự công cộng của bị cáo H1 nên đề nghị HĐXX không phải xem xét. Về dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định buộc bị cáo phải bồi thường tổng các khoản là 88.364.000đ, đối trừ số tiền 20.000.000đ đã bồi thường, bị cáo phải bồi thường tiếp cho ông Đ là 68.364.000đ. Đối với kháng cáo yêu cầu bồi thường tiền mất thu nhập từ ngày 26/11/2018 đến ngày 15/10/2019 là 82.840.000đ; tiền làm thẩm mỹ 30.000.000đ; tiền thuê xe đi lại cơ quan tổ tụng 2.000.000đ, tiền mời luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp 25.000.000đ; tiền mua thuốc nhỏ mắt 8.000.000đ. Tổng 147.840.000đ. Đây là những khoản tiền không có căn cứ theo quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX không chấp nhận. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót là không giải thích đầy đủ cho người bị hại biết việc ông Đ phải chịu án phí, khi yêu cầu bồi thường không được chấp nhận. Từ đó TAND huyện Tứ Kỳ đã buộc người bị hại ông Phạm Đăng Đ phải chịu 2.850.000đ tiền án phí dân sự đối với yêu cầu không được chấp nhận là không đúng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc người bị hại Phạm Đăng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo T và các bị cáo khác tại quá trình điều tra, truy tố, xét xử phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận: Do mâu thuẫn về việc H1 cho S nợ tiền, vào khoảng 22 giờ 30 phút đến 23 giờ ngày 25/11/2018 tại đoạn đường thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương trước cổng của gia đình ông Phạm Đăng Đ1 và ông Phạm Đăng Đ; Nguyễn Công H1, Nguyễn Xuân T2, Phạm Văn M1 và Vũ Văn T1 đã có hành vi chửi bới, đùôi đánh nhau với Phạm Đăng S và ông Phạm Đăng Đ1. H giật 01 đoạn tường bao xây bằng gạch chỉ đỏ của nhà ông Đ1, gây thiệt hại tài sản cho gia đình ông Đ1 64.400 đồng. Sau đó H1, T2 và M1 ném gạch vào nhà ông Đ1. T đã ném 2 viên gạch chỉ vào nhà ông Phạm Đăng Đ, trong đó 1 viên gạch làm vỡ ngói nhà ông Đ gây thiệt hại tài sản cho gia đình ông Đ là 24.000 đồng và 01 viên trúng vào vùng mắt bên phải ông Đ. Hậu quả làm ông Đ bị thương, tổn hại cơ thể là 58%. Hành vi của bị cáo T bị Tòa án cấp sơ thẩm huyện Tứ Kỳ xét xử về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS; bị cáo Nguyễn Công H1 bị Tòa án cấp

sơ thẩm xét xử về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS.

[2] Xét kháng cáo của người bị hại: Tại phiên tòa, người bị hại là ông Phạm Đăng Đ xin rút yêu cầu kháng cáo về việc tăng hình phạt đối với bị cáo T, do đó HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo.

[3] Đối với kháng cáo của ông Đ về việc xem xét truy tố, xét xử tội Gây rối trật tự công cộng đối với bị cáo T: Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung đối với Vũ Văn T về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tuy nhiên, VKSND huyện Tứ Kỳ không chấp nhận, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào Điều 298 BLTTHS quy định về giới hạn xét xử chỉ xét xử bị cáo T về hành vi Cố ý gây thương tích, vì vậy cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét. Hơn nữa, ông Đ là người bị hại trong vụ án Cố ý gây thương tích nên không có quyền kháng cáo về hành vi Gây rối trật tự công cộng. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông Đ.

[4] Đối với kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường: Xét thấy, sau khi bị cáo gây thương tích cho bị hại thì bị hại đã chi phí các khoản gồm: Tiền thuốc, viện phí là 3.861.000đ, tiền thuê xe đi và về 700.000đ, tiền mua mắt giả 1.000.000đ, tiền mua kính 1.000.000đ, tiền thu nhập thực tế bị mất của ông Đ $267.000 \text{ đ/ngày} \times 09 \text{ ngày} = 2.403.000\text{đ}$, tiền thu nhập bị mất của người chăm sóc trong thời gian điều trị $200.000 \text{ đ/ngày} \times 9 \text{ ngày} = 1.800.000\text{đ}$. Ngoài ra, bị cáo phải có trách nhiệm bồi đắp tổn thất về tinh thần tương đương với 40 tháng lương tối thiểu là $1.490.000\text{đ} \times 40 \text{ tháng} = 59.600.000\text{đ}$ và khoản tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe bị giảm sút là 18.000.000đ. Như vậy, bị cáo phải bồi thường tổng các khoản là 88.364.000đ, trừ số tiền 20.000.000đ (trong đó bị cáo H1 10.000.000đ và bị cáo M1 5.000.000đ tự nguyện nộp cùng; bị cáo T 5.000.000đ) đã bồi thường, bị cáo phải bồi thường tiếp cho ông Đ là 68.364.000đ. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bị cáo T phải bồi thường tiếp cho ông Đ số tiền 68.364.000đ là phù hợp.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của người bị hại yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thêm số tiền là 147.840.000đ. Tuy nhiên, người bị hại không cung cấp được các căn cứ chứng minh đối với khoản tiền mất thu nhập từ ngày 26/11/2018 đến ngày 15/10/2019 là 82.840.000đ; tiền làm thẩm mỹ 30.000.000đ; tiền mua thuốc nhỏ mắt 8.000.000đ, do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận là chính xác. Đối với yêu cầu bồi thường tiền thuê xe đi lại cơ quan tố tụng 2.000.000đ, tiền mời luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp 25.000.000đ, tuy nhiên các yêu cầu trên pháp luật không quy định, nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị hại về số tiền 147.840.000đ.

[6] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát tỉnh Hải Dương và kháng cáo của người bị hại về việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị hại phải chịu án phí dân sự đối với yêu cầu không

được chấp nhận là tiền bồi thường tiền thuê xe đi lại cơ quan tố tụng 2.000.000đ, tiền mời luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp 25.000.000đ. Xét thấy, căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định “*Người bị hại có yêu cầu bồi thường thiệt hại về những khoản không phù hợp với pháp luật thì Tòa án phải giải thích cho họ việc họ phải chịu án phí nếu yêu cầu bồi thường thiệt hại đó không được Tòa án chấp nhận. Trường hợp họ vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết thì họ phải chịu án phí nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận*”. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không giải thích đầy đủ cho người bị hại, do đó quyết định cho người bị hại phải chịu án phí đối với khoản tiền trên là không phù hợp pháp luật. Vì vậy, HĐXX chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Hải Dương và kháng cáo của người bị hại về nội dung này.

[7] Đối với kháng cáo của người bị hại về việc TA cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo Nguyễn Công H1 là không phù hợp, đề nghị áp dụng hình phạt tù giam. Xét thấy, bị cáo H1 phạm tội Gây trật tự công cộng, trong khi ông Đ là người bị hại đối với hành vi của bị cáo T. Do đó, ông Đ không có quyền kháng cáo về nội dung này nên HĐXX không xem xét.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Người bị hại kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Đăng Đ. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo tăng hình phạt của bị cáo Vũ Văn T. Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Vũ Văn T có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị hại Phạm Đăng Đ về việc yêu cầu xét xử bị cáo T thêm tội Gây rối trật tự công cộng;

3. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị hại Phạm Đăng Đ về việc yêu cầu xử phạt bị cáo Nguyễn Công H hình phạt tù giam;

4. Không chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Phạm Đăng Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 50/2019/HSST ngày 23-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ về bồi thường của bị cáo Vũ Văn T về những nội dung sau:

4.1. Căn cứ Điều 48 của BLHS, các điều 584, 585, 586, 590 BLDS: Xử buộc bị cáo Vũ Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Phạm Đăng Đ, sinh năm 1968; trú tại:

Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương các khoản tiền sau: Tiền chi phí mua thuốc, viện phí... và tiền bù đắp tổn thất tinh thần, tiền bồi dưỡng sức khỏe, tiền đi nuôi dưỡng tổng là 88.364.000đ, đã bồi thường 20.000.000đ, buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho ông Đ là 68.364.000đ.

Trường hợp Vũ Văn T không đủ tài sản để bồi thường cho ông Đ thì ông Vũ Văn C và bà Đào Thị H là bố mẹ của Vũ Văn T phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

Kể từ ngày ông Đ có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người bị thi hành không thi hành khoản tiền bồi thường nêu trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4.2. Không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường của ông Phạm Đăng Đ đối với các khoản tiền gồm: Tiền mất thu nhập từ ngày 26/11/2018 đến ngày 15/10/2019 là 82.840.000đ, tiền làm thẩm mỹ là 30.000.000đ, tiền thuê xe đi lại cơ quan tố tụng 2.000.000đ, tiền mời luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp 25.000.000đ, tiền mua thuốc nhỏ mắt 8.000.000đ. Tổng cộng 147.840.000đ.

5. Chấp nhận kháng cáo của bị hại Phạm Đăng Đ và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương. Sửa bản án sơ thẩm số 50/2019/HSST ngày 23-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ phần án phí.

Căn cứ điểm e khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ông Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 20/02/2020/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Tứ Kỳ (2 bản);
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- CQCSĐT, CQTHAHS - Công an huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THADS Tứ Kỳ;
- UBND xã C, huyện T;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Lưu hồ sơ, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thanh Tuấn